

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST

Ngày: 21/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Hồng Khanh

Bà Nguyễn Ngọc M

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 và ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn T; Sinh năm: 1989. Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã BK, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trần Ngọc P, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958; Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình. Vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1988. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** anh Kiều Văn D, sinh năm 1981 – Có mặt tại phiên Tòa.

HKTT: thôn T1, xã BK, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1968. – Có mặt tại phiên Tòa.

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1966 – Vắng mặt.

Đều có HKTT: Thôn T1, xã BK, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Dương Thị B, sinh năm 1974 – Có mặt tại phiên Tòa.

- Ông Dương Văn T, sinh năm 1975 - Có mặt tại phiên Tòa.

Đều có HKTT: thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, khoảng 00 giờ 00 phút ngày 07/10/2022 Trần Văn T, sinh năm 1989 trú tại thôn T1, xã BK, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi bộ một mình đến trước xưởng đúc cọc bê tông của anh Kiều Văn D, sinh năm 1981 ở cùng thôn. Quan sát không thấy có người xung quanh, T trèo qua tường để vào bên trong xưởng của anh D. T đi đến khu vực xưởng sắt thì thấy có nhiều sắt loại phi 6 đã được gia công chuốt thành phi 5 và cắt sẵn thành từng đoạn dài 54cm và 68cm. T bó các đoạn sắt thành từng bó nhỏ rồi trèo qua tường theo lối cũ ra ngoài. T trèo ra trèo vào xưởng của anh D nhiều lần rồi mang số sắt trên giấu trong phòng bếp của nhà T. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, T đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Hoàng Thị M, sinh năm 1968 ở cùng thôn. T nói với bà M “Cháu có ít sắt cháu cân cho bà”. Bà M hỏi T là sắt ở đâu thì T nói “Cháu có cháu bán cho cô”. Bà M đồng ý mua thì T về nhà cho các bó sắt vào các bao tải có sẵn trong nhà để lên xe đạp rồi chở sang nhà bà M. T chở làm hai chuyến, chuyến đầu 03 bao tải và chuyến sau chở 02 bao tải. Bà M mang số bao tải sắt trên để vào trong nhà và trả cho T số tiền 870.000 đồng. Sau đó, bà M nhờ chồng là ông Lê Văn C, sinh năm 1966 chở số sắt trên bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của bà Dương Thị B, sinh năm 1974 tại thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Ông C đã chở làm hai lần với tổng số sắt Bà B cân được là 286,5kg và bà Hằng đồng ý mua với giá 2.525.000 đồng.

Ngày 08/10/2022, anh Kiều Văn D đến Công an xã BK trình báo về việc anh D bị kẻ gian lấy trộm khoảng 300kg sắt phi 5 đã được gia công thành các đoạn B nhau là 54cm và 68cm để ở xưởng sản xuất của anh D tại thôn T1, xã BK, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hưng Yên kết luận: 286,5kg sắt có nguồn gốc là phi 6 được truốt thành phi 5, dài 54cm, 68cm, chưa qua sử dụng. Xác định giá trị thiệt hại của tài sản cần định giá là 4.596.892 đồng.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- Bà B giao nộp 286,5kg sắt loại sắt dài 54cm và 68cm, đường kính 0,5cm. Ngày 18/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên đã trả số sắt trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Kiều Văn D. Thu giữ của bị cáo T số tiền 870.000 đồng. Bà M giao nộp số tiền 2.525.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bà Dương Thị B đã giao nộp lại số sắt trên cho Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hưng Yên và yêu cầu bà M, ông C phải trả lại bà B số tiền 2.525.000 đồng. Ngày 18/11/2022 Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Hưng Yên đã trả lại số sắt trên cho anh D, anh D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự đối với bị cáo T.

Ngày 09/10/2022 bà Hoàng Thị M đã giao nộp lại số tiền 2.525.000 đồng cho Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Hưng Yên và yêu cầu bị cáo T phải trả lại bà số tiền 870.000 đồng.

Đối với chiếc xe đạp mà bị cáo T sử dụng để chở số sắt trộm cắp đi bán: Sau khi sự việc xảy ra, T đã bán chiếc xe đạp trên cho một người đi thu mua sắt vụn với giá 300.000 đồng. T không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đi thu mua sắt vụn do đó không có đủ thông tin để xác minh, thu hồi chiếc xe đạp trên.

Đối với bà Hoàng Thị M có hành vi mua lại số sắt của bị cáo T và ông Lê Văn C có hành vi giúp bà M chở số sắt trên đi bán: Quá trình điều tra đã làm rõ bà M, ông C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà M và ông C.

Đối với bà Dương Thị B, ông Dương Văn T có hành vi mua lại số sắt của ông Lê Văn C: Quá trình điều tra đã làm rõ bà B, ông T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà B, ông T.

Quá trình điều tra, Trần Văn T thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKS-TPHY ngày 16/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Trần Văn T về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai. Bị cáo

thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai thêm về phần lý lịch là gia đình bị cáo có 6 anh chị em và bị cáo có 02 con chứ không phải như cáo trạng nêu là gia đình bị cáo có 3 anh chị em và có 01 con. Đồng thời bị cáo đề nghị HĐXX xem xét bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Người bị hại: Anh D thừa nhận bị cáo khai nhận là đúng, anh đã nhận lại toàn bộ tài sản mà bị cáo T đã trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nữa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M, bà B và ông T: Điều thừa nhận bị cáo khai nhận tội là đúng. Các ông bà đều nghị xin lại số tiền mà mình đã bỏ ra mua số sắt do bị cáo T trộm cắp và đã bán cho các ông bà và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên luận tội giữ nguyên quyết định đã truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX :

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/11/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số sắt mà bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hưng Yên trả lại cho anh D, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Riêng chiếc xe đạp là phương tiện dùng vào việc chở số sắt mang đi bán, bị cáo trung đã bán đi được 300.000đ đã tiêu sài cá nhân hết, do đó cần phải truy thu số tiền này của bị cáo.

Trả lại bà M số tiền 870.000đ do bị cáo T giao nộp và trả lại bà B số tiền 2.525.000đ do bà M giao nộp.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Hưng Yên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng thu giữ được và phù hợp với lời khai của người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nên đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 07/10/2022 tại xưởng đúc cọc bê tông thuộc thôn T1, xã BK, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp 286,5kg sắt trị giá 4.596.892 đồng (*Bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi hai đồng*) của anh Kiều Văn D.

Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với mức độ hành vi của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa C cho xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã giao nộp toàn bộ số tiền 870.000đ tiền bán tài sản do phạm tội mà có để trả lại cho người mua. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Chủ sở hữu anh D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Riêng chiếc xe đạp là phương tiện dùng vào việc chở số sắt mang đi bán, bị cáo T đã bán đi được 300.000đ và tiêu sài cá nhân hết, do đó cần phải truy thu số tiền này của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trả lại bà M số tiền 870.000đ do bị cáo T giao nộp và trả lại bà B số tiền 2.525.000đ do bà M giao nộp. Tổng hai khoản là 3.395.000đ (Ba triệu ba trăm chín mươi năm nghìn đồng) số tiền nay đang tạm gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (Một) năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/11/2022.

[2]. Về vật chứng: Anh D người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Trả lại bà Hoàng Thị M số tiền 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Trả lại cho bà Dương Thị B số tiền 2.525.000đ (Hai triệu năm trăm hai nghìn đồng).

Số tiền trên đang tạm gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên.

(Chi tiết, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ - VKS ngày 16/01/2023).

Truy thu của bị cáo T 300.000đ trị giá chiếc xe đạp là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại anh D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M, bà B, ông T. Đã báo cho bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông C người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Tp Hưng Yên;
- Công an Tp. Hưng Yên;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Tp Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồ Quang Lịch